Câu 9: Phân tích cơ sở lý luận của nguyên tắc Toàn diện và nguyên tắc Lịch sử - cụ thể? ĐCSVN đã vận dụng quan điểm này như thế nào trong thời kỳ đổi mới? ( 6đ)

- Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.

- Kn:

+ Mối liên hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới.

+ Mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng của thế giới, đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng của thế giới, trong đó những mối liên hệ phổ biến nhất là những mối liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng của TG. Đó là các mối liên hệ giữa: các mặt đối lập, chất và lượng, khẳng định và phủ định, cái chung và cái riêng, …

- Tính chất của các mối liên hệ:

+ Tính khách quan: Mọi mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng là khách quan, là cái vốn có của mọi sự vật, hiện tượng; con người chỉ nhận thức và vận dụng những mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.

+ Tính phổ biến: mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện:

> Thứ nhất, bất cứ sự vật nào cũng liên kết với sự vật, hiện tượng khác.

> Thứ hai, bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấu thành với những mối liên hệ bên trong của nó.

+ Tính đa dạng, phong phú: sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có mối liên hệ khác nhau, giữ vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặt khác, cùng một mối liên hệ nhất định, ở những giai đoạn khác nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật thì cũng có những tính chất và vai trò khác nhau. Quan điểm về tính phong phú, đa dạng của các mối liên hệ còn bao hàm quan niệm về sự phong phú, đa dạng của các mối liên hệ phổ biến ở các mối liên hệ đặc thù trong mỗi sự vật, hiện tượng, mỗi quá trình cụ thể, trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

- Ý nghĩa pp luận: Từ nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến rút ra được nguyên tắc toàn diện và nguyên tắc lịch sử - cụ thể.

+ Nguyên tắc toàn diện đòi hỏi tỏng nhận thức và xử lý các tình huống thực tiễn cần xem xét sự vật trong mqh biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật và trong sự tác động qua lại giữa sự vật đó với sự vật khác.

+ Nguyên tắc lịch sử - cụ thể yêu cầu trong việc nhậ thức và xử lý các tình huống trong hoạt động thực tiễn cần phải xét đến những tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống phải giải quyết khác nhau trong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, vai trò khác nhau của mối liên hệ cụ thể trong những tình huống cụ thể để từ đó có được những giải pháp đúng đắn và có hiện quả trong việc xử lý các vấn đề thực tiễn, Đồng thời, khắc phục quan điểm phiến diện, siêu hình triết trung , ngụy biện.

- Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã vận dụng quan điểm này như sau:

+ Để phát triển đất nước, Đảng ta chủ trương phát triển tất cả các mặt của đời sống, xã hội, kinh tế, chính trị, … đồng thời phải thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế một cách đa dạng.

+ Đảng ta chủ trương khuyến khích phát triển tất cả các vùng miền dựa trên cơ sở đặc thù của các vùng miền.

Câu 10: Phân tích cơ sở lý luận của quan điểm Phát triển? ĐCSVN đã vận dụng quan điểm này như thế nào trong thời kỳ đổi mới? (6đ)

- Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển chính là nguyên lý về sự phát triển.

- Kn sự phát triển:

+ Quan điểm siêu hình cho rằng: phát triển chỉ là sự tăng giảm đơn thuần về mặt số lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật; đồng thời, coi sự phát triển là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co phức tạp.

+ Quan điểm duy vật biện chứng: Khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

- Tính chất:

+ Tính khách quan của sự phát triển biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản thân sự vật, hiện tượng; là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó.

+ Tính phổ biến của phát triển được thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra ở mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội, tư duy; trong tất cả mọi sự vật, hiện tượng và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó.

+ Tính đa dạng, phong phú của phát triển: Mỗi sự vật, hiện tượng có quá trình phát triển khác nhau. Tồn tại ở không gian, thời gian khác nhau, sự vật phát triển sẽ khác nhau.

- Ý nghĩa pp luận:

+ Quan điểm phát triển đòi hỏi phải khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến, đối lập với sự phát triển.

+ Quan điểm phát triển đòi hỏi nhận thức và giải quyết bất cứ vấn đề gì trong thực tiễn. Một mặt, cần phải đặt sự vật, hiện tượng theo khuynh hướng đi lên của nó; mặt khác, con đường của sự phát triển là một quá trình biện chứng, cần phải có quan điểm lịch sử-cụ thể trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề của thực tế.

- Trong thời kì đổi mới, Đảng ta đã vận dụng quan điểm đó như sau:

+ Để phát triển đất nước, Đảng ta đã chủ trương, khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, khởi nghiệp và phát triển với các ưu đãi về thuế, thuê mặt bằng hạ tầng, …

+ Khuyến khích phát triển tất cả các mặt của đời sống, xã hội, kinh tế…

Câu 21: Phân tích nội dung quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX? Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào trong thời kỳ đổi mới (1986 – nay)? ( 6đ)

\* Khái niệm:

- Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần để tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người

+ Kết cấu của LLSX: Bất kỳ một quá trình sản xuất nào cũng cần phải có tác nhân thuộc về người lao động (như năng lực, kỹ năng, tri thức của người lao động) cùng các tư liệu sản xuất nhất định (như đối tượng lao động, công cụ lao động, các tư liệu phụ của quan hệ sản xuất…)

+ Lực lượng sản xuất là nhân tố có tính sang tạo, tính sáng tạo đó có tính lịch sử.

+ Trình độ phát triển của LLSX phản ảnh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người.

+ Trong các nhân tố tạo thành LLSX, **người lao động**là nhân tố giữ vai trò quyết định bởi vì các tư liệu sản xuất chỉ là sản phẩm LĐ của con người, đồng thời giá trị và hiệu quả thực tế của các tư liệu sản xuất phụ thuộc vào trình độ thực tế và sáng tạo của người LĐ.

Mặt khác trong tư liệu sản xuất, nhân tố công cụ LĐ là nhân tố phản ánh rõ nhất trình độ phát triển của LLSX và thể hiện tiêu biểu ở trình độ con người chinh phục thế giới tự nhiên.

- Quan hệ sản xuất: Là mỗi quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

+ Kết cấu: Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức, quản lý quá trình sản xuất, quan hệ trong phân phối sản phẩm của quá trình sản xuất đó.

+ Những mối quan hệ sản xuất này tồn tại trong mối quan hệ thống nhất và chi phối tác động lẫn nhau trên cơ sở quyết định của quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất.

\* Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ thống nhất biện chứng, trong đó LLSX quyết định QHSX và QHSX cũng tác động trở lại LLSX.

+ LLSX và QHSX là hai mặt cơ bản, tất yếu của quá trình sản xuất, tồn tại trong tính thống nhất với nhau, quy định lẫn nhau, trong đó LLSX là ND vật chất của quá trình sản xuất, còn QHSX là hình thức xã hội của quá trình đó. Tương ứng với trình độ nhất định của LLSX tất yếu phải đòi hỏi có QHSX phù hợp với trình độ đó trên cả 3 phương diện: Sở hữu TLSX, tổ chức, quản lý quá trình SX và phân phối kết quả của quá trình sản xuất đó.

+ Mối quan hệ thống nhất giữa LLSX và QHSX tuân theo tính tất yếu khách quan. Trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, QHSX phụ thuộc vào trình độ phát triển của LLSX, đồng thời QHSX với tư cách là hình thức KT-XH của quá trình sản xuất luôn có khả năng tác động trở lại sự vận động, phát triển của LLSX. Sự tác động này diễn ra theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực.

- Mối quan hệ giữa LLSX và QHSX là mối quan hệ thống nhất có bao hàm khả năng chuyển hóa thành các mặt đối lập và phát sinh mâu thuẫn.

+ Sự phù hợp của QHSX đối với LLSX càng cao thì LLSX càng có khả năng phát triển, nhưng chính sự phát triển của LLSX này lại phá vỡ sự thống nhất của QHSX từ trước đến nay là hình thức KT-XH cho sự phát triển của LLLSX, QHSX đã trở thành những hình thức kìm hãm sự phát triển của LLSX. Khi đó bắt đầu thời đại 1 cuộc cách mạng xã hội.

+ Sự vận động của mâu thuẫn biện chứng giữa LLSX và QHSX là quá trình đi từ sự thống nhất đến sự khác biệt và đối lập, xung đột từ đó luôn xuất hiện nhu cầu khách quan, mâu thuẫn phải được giải quyết theo nguyên tắc QHSX phải phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.

+ Sự vận dụng quy luật của Đảng trong quá trình đổi mới KT nước ta.

Trước khi đi vào CNH – HĐH đất nước và muốn đạt được thành công thì nhất thiết phải có tiểm lực về kinh tế và con người đó là lực lượng lao động là một yếu tố quan trong. Ngoài ra phải có sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của LLSX, đây là nhân tố cơ bản nhất.

 Đất nước ta đang trong quá trình CNH – HĐH. Với tiềm năng lao động to lớn, cần cù, thông minh, sang tạo và có kinh nghiệm lao động nhưng công cụ lao động của chúng ta còn thô sơ. Đảng ta triển khai mạnh mẽ một số vấn đề của đất nước, trên cơ sở 1 cơ cấu sở hữu hợp quy luật, gắn liền với 1 cơ cấu thành phần kinh tế hợp quy luật, cũng như cơ cấu một xã hội hợp giai cấp với thời cơ lớn thì rất nhiều thách thức phải vượt qua để hoàn thành sự nghiệp CNH – HĐH đất nước, vì dân giàu nược mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Câu 26. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội? ( 6đ)

\* Các khái niệm:

- Cơ sở hạ tầng (CSHT): dùng để chỉ toàn bộ những QHSX hợp thành cơ cấu kinh tế của XH.

- Kết cấu CSHT (3 bộ phận): CSHT của 1 XH nhất định được tạo nên bởi QHSX thống trị, QHSX tàn dư và QHSX mầm mống. Trong đó, QHSX thống trị chiếm vị trí chủ đạo và giữ vai trò đặc trưng cho chế độ kinh tế của một XH nhất định.

- Kiến trúc thượng tầng (KTTT):

+ Dùng để chỉ hệ thống kết cấu các hình thái ý thức XH (chính trị, pháp quyền, tôn giáo,…) cùng với các thiết chế chính trị - XH tương ứng (nhà nước, chính đảng, giáo hội,…), được hình thành trên một CSHT nhất định.

+ Trong XH có giai cấp, hình thái ý thức chính trị, pháp quyền cùng hệ thống thiết chế, tổ chức chính đảng và nhà nước là hai thiết chế, tổ chức quan trọng nhất trong hệ thống KTTT của xã hội.

\* Mqh biện chứng giữa CSHT và KTTT:

- CSHT quy định KTTT

+ Mỗi CSHT đều được hình thành trên đó 1 KTTT tương ứng vì quan hệ vật chất quyết định tinh thần để bảo vệ cho CSHT đó.

+ Khi CSHT thay đổi thì sớm muộn KTTT cũng theo đổi theo, có yếu tố thay đổi nhanh như quan điểm về pháp quyền, đạo đức,… và có yếu tố thay đổi chậm như quan điểm về nghệ thuật, khoa học,… Đồng thời với mọi sự thay đổi của KTTT đều do CSHT quy định.

- KTTT tác động ngược trở lại CSHT

+ Sau khi được hình thành, KTTT tác động ngược trở lại CSHT ở nhiều phương thức khác nhau nhưng chủ yếu là ở sự điều tiết của nhà nước. Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp đến CSHT.

+ KTTT tác động ngược trở lại CSHT theo 2 hướng: Nếu KTTT phù hợp với CSHT thì sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển, ngược lại nếu KTTT không phù hợp với CSHT thì sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế.

**Câu 27: Vận dụng lý luận hình thái KT– XH của C.Mác. Phân tích tính tất yếu của việc định hướng con đường đi lên CNXH bỏ quá chế độ TBCN ở Việt Nam? (6đ) ( Rỗng)**

**Câu 28: Quan điểm của CN Mác – Lênin về mối quan hệ giữa giai cấp – dân tộc – nhân loại và sự vận dụng của ĐCSVN trong giai đoạn cách mạng hiện nay? ( 6đ) ( Rỗng)**

Câu 29: Trình bày quan điểm triết học Mác - Lênin về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng cơ bản của nhà nước? (6đ)

\* Nguồn gốc nhà nước:

- Trong chế độ công xã nguyên thủy, dựa trên chế độn công hữu về tư liệu sx nên chứ có giai cấp vè nhà nước.

- Khi LLSX phát triển, có sự du thừa của cải trong XH, sẽ xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sx và XH phân chia thành các giai cấp đối kháng, dẫn đến nguy cơ các giai cấp tiêu diệt lẫn nhau và tiêu diệt cả XH.

- Để thảm họa đó không xảy ra, 1 cơ quan quyền lực đặc biệt ra đời, đó là nhà nước. Do đó sự ra đời của nhà nước là 1 tất yếu khách quan của lịch sử.

\* Bản chất nhà nước:

Nhà nước là 1 bộ máy XH do giai cấp thống trị lập ra nhằm hợp pháp hóa và củng cố sự áp bức của mình đối với giai cấp đối lập. Nhà nước chẳng qua chỉ là một bộ máy của giai cấp này, dùng để trấn áp một giai cấp khác. Mọi hành động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,.. do nhà nước tiến hành đều xuất phát từ lợi ích của giai cấp nằm trong tay bộ máy nhà nước.

\* Đặc trưng cơ bản của nhà nước:

- Nhà nước quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định, nhà nước được hình thành trên cơ sở phân chia dân cư theo lãnh thổ mà họ cư trú. Mỗi nhà nước được xác định bằng 1 biên giới quốc gia nhất định và quyền lực nhà nước có hiệu lực đối với mọi thành viên trong XH.

- Nhà nước có 1 bộ máy quyền lực chyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong XH. Bộ máy quyền lực chuyên nghiệp bao gồm các đội vũ trang chuyên nghiệp như công an, cảnh sát,… và các bộ máy hành chính.

- Nhà nước hình thành hệ thống thuế khóa để tăng cường và duy trì bộ máy cai trị. Với mọi nhà nước đều sống được nhờ sự chu cấp của nhân dân. Nhà nước không thể tồn tại nếu không dựa vào hệ thống thuế khóa và các hình thức bóc lột khác.

\* Chức năng của nhà nước:

- Chức năng thống trị, chính trị của giai cấp và chức năng XH. Chức năng thống trị, chính trị của giai cấp để bảo vệ sự thống trị giai cấp đối với toàn XH. Còn chức năng XH thực hiện sự quản lý những hoạt động chung nhằm duy trì và phát triển của XH.

- Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại:

+ Chức năng đối nội: là những hoạt động của nhà nước trong nội bộ đất nước nhằm duy trì trật tự kinh tế văn hóa, chính trị, XH.

+ Chức năng đối ngoại: thể hiện vai trò của nhà nước trong quan hệ với các nước khác trong cộng đồng quốc tế.

Câu 30: Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội? Đảng Cộng Sản Việt Nam đã vận dụng mối quan hệ này như thế nào trong thời kỳ đổi mới? ( 6đ)

( Hơi giống 31)

Câu 31: Phân tích tính độc lập tương đối của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội? Cho ví dụ cụ thể về tính độc lập tương đối của YTXH? ( 6đ)

\* Các khái niệm:

- Tồn tại XH: là phương diện sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của XH.

- Kết cấu của tồn tại XH:

+ Phương thức sx (LLSX VÀ QHSX)

+ Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý.

+ Dân số, mật độ dân số,…

-> Trong các yếu tố trên, phương thức sản xuất giữ vai trò quyết định

- Ý thức XH:

+ là phương diện tinh thần của dds XH, nảy sinh từ tồn tại XH và phản ánh tồn tại XH trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

+ Ý thức XH được thể hiện thông qua ý thức cá nhân, tức là TG tinh thần của mỗi con người cụ thể.

- Kết cấu của ý thức XH:

+ Nếu dựa vào lĩnh vực phản ánh thì ý thức XH bao gồm: ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức,…

+ Nếu dựa vào trình độ phản ánh, ý thức XH bao gồm: ý thức XH thông thường và ý thức lý luận.

+ Nếu dựa vào tính tự giác hay tự phát của trình độ phản ánh thì ý thức XH bao gồm: tâm lý XH và hệ tư tưởng.

\* Tồn tại XH quyết định ý thức XH nhưng ý thức XH có tính độc lập tương đối (Mối quan hệ biện chứng giữa TTXH và YTXH)

- Tồn tại XH quyết định ý thức XH:

+ TTXH quyết định nội dung và hình thức của ý thức XH. Tồn tại XH là cơ sở nguồn gốc của ý thức XH, ý thức XH chỉ là sự phản ánh của tồn tại XH, tức là tồn tại XH là cái được phản ánh còn ý thức XH là cái phản ánh.

+ Khi tồn tại XH thay đổi thì sớm hay muộn ý thức XH cũng thay đổi theo và với mọi sự thay đổi của ý thức XH đều do tồn tại XH quyết định. Đặc biệt phương thức SX thay đổi.

- Tính độc lập tương đối của ý thức XH:

+ Ý thức XH **thường** lạc hậu hơn so với tồn tại XH, bởi:

1. Ý thức XH là cái phản ánh tồn tại XH mà tồn tại XH luôn vận động phát triển nhanh do tác động của hoạt động thực tiễn cho nên ý thức XH không kịp phản ánh.

2. Do sức mạnh phong tục tập quán của thói quen và tính bảo thủ của một số hình thái xã hội gắn sâu vào một cộng đồng người, cho nên ý thức XH không kịp phản ánh sự phát triển của tồn tại XH.

3. Ý thức XH luôn gắn với lợi ích của những giai cấp nhất định mà những giai cấp này luôn giữ các quan điểm bảo thủ lạc hậu để duy trì lợi ích về kinh tế, về chính trị của họ.

+ Ý thức XH có thể phản ánh vượt trước tồn tại XH: được thế hiện ở các dự báo khoa học và các giả thuyết khoa học.

+ Ý thức XH có tính kế thừa trong sự phát triển: được thể hiện ở các quan điểm, quan niệm; được xây dựng, hình thành trên các quan điểm, quan niệm đã có từ trước.

+ Trong ý thức XH, các hình thái ý thức tác động qua lại lẫn nhau. VD như quan điểm về pháp quyền, đạo đức thường tác động qua lại lẫn nhau.

+ Ý thức XH tác động ngược trở lại tồn tại XH theo 2 hướng:

> Nếu ý thức XH phản ánh đúng tồn tại XH, sẽ thúc đẩy tồn tại XH phát triển.

> Ngược lại, Nếu ý thức XH không phản ánh đúng tồn tại XH, sẽ kìm hãm tồn tại XH phát triển.

Câu 33: Phân tích vai trò của quần chúng nhân dân trong sự phát triển lịch sử và rút ra ý nghĩa của nó? Đảng CSVN đã vận dụng bài học “Lấy dân làm gốc” như thế nào trong thời kỳ đổi mới (1986 – nay)? ( 6đ).

\* Kn quần chúng nhân dân: là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành lập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề về kinh tế, chính trị, XH của 1 thời đại nhất định.

\* Các bộ phận dân cư cấu thành quần chúng nhân dân:

- Quần chúng nhân dân là những người lao động, sx ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho XH, đây là hạt nhân cơ bản nhất trong cộng đồng quần chúng nhân dân.

- Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp áp bức thống trị, đối kháng với cộng đồng nhân dân.

- Những giai cấp, tầng lớp XH thúc đẩy sự tiến bộ XH thông qua các hoạt động của mình trên các lĩnh vực của đời sống XH.

\* Vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử:

- Quần chúng nhân dân là lực lượng cơ bản của mọi XH, trực tiếp sx ra mọi của cải vật chất đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của con người và XH (đây là vai trò quan trọng nhất).

- Quần chúng nhân dân là lực lượng trực tiếp hoặc gián tiếp sáng tạo ra các giá trị tinh thần cho XH và kiểm chứng các giá trị đó.

- Quần chúng nhân dân là lực lượng và động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng và cải cách XH, không có cuộc Cách mạng hay cải cách nào thành công nếu không xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân.

=> Do đó, xét từ kinh tế đến chính trị, từ hoạt động vật chất đến hoạt động tinh thần, quần chúng nhân dân luôn đóng vai trò quyết định trong lịch sử và có thể sáng tạo ra lịch sử.

\* Ý nghĩa: Với các vai trò trên của quần chúng nhân dân trong các hoạt động của XH, tất cả mọi chủ trương, đường lối, sự điều tiết của nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân.

Câu23: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào giữ vai trò quyết định nhất?Tại sao?(4đ)

- Kn LLSX: là mqh giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình SXVC, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

- Kết cấu của LLSX:

+ Người lao động

+ Tư liệu sản xuất: - Tư liệu lao động(gồm công cụ lao động và phương tiện lao động) và đối tượng lao động(có sẵn trong tự nhiên hoặc đã qua chế biến)

Trong các yếu tố trên, người lao động và công cụ lao động là 2 yếu tố cơ bản. Trong đó người lao động giữ vai trò quyết định nhất. Bởi vì:

+ Người lao động trực tiếp sáng tạo ra các công cụ lao động mà công cụ lao động biểuhiện rõ nét nhất trình độ phát triển của LLSX, khả năng chinh phục tự nhiên của con người. Như câu thành ngữ: “ Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”.

+ Đồng thời, giá trị và hiệu quả của tư liệu sản xuất phụ thuộc vào trình độ, kinh nghiệm, kĩ năng của người lao động.

Câu24: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào động nhất, cách mạng nhất?Tại sao( 4đ)

- Khái niệm lực lượng sản xuất: Là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

- Kết cấu lực lượng sản xuất:

+  Các nhân tố thuộc về người lao động( năng lực, kỹ năng, tri thức)

+  Các tư liệu sản xuất( đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ của quá trình sản xuất)

Trong kết cấu của LLSX, yếu tố công cụ lao động là đồng nhất, cách mạng nhất. Vì công cụ lao động là sản phẩm của con người, trình độ con người ngày càng sâu sắc hơn, đồn thời kinh nghiệm, kỹ năng của con người ngày càng hoàn thiện, cho nên con người luôn cải tiến công cụ lao động.

Do nhu cầu xã hội ngày càng phát triển nên con người cần phải có các công cụ lao động hiện đại hơn để thoải mãn nhu cầu của con người.

Câu 25. Tại sao khoa học là LLSX trực tiếp của xã hội hiện nay? Cho ví dụ ? (4đ)

-  Khái niệm lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-  Kết cấu lực lượng sản xuất:

+ Người lao động

+ Tư liệu sản xuất: - Tư liệu lao động(gồm công cụ lao động và phương tiện lao động) và đối tượng lao động(có sẵn trong tự nhiên hoặc đã qua chế biến)

  Ngày nay khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp bởi vì:

+  Khoa học sản xuất phát triển tác động trực tiếp đến người lao động, giúp con người nhận thức sâu sắc hơn về thế giới vật chất.

+  Khi khoa học phát triển, con người mới có điều kiện tạo ra được nhiều công cụ lao động hiện đại hơn và tạo ra được nhiều sản phẩm cho xã hội.

Câu 32: Tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội? Cho ví dụ ?( 4đ)

-  Khái niệm tồn tại xã hội: là phương diện sinh hoạt vất chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội

-  Kết cấu tồn tại xã hội:

+  Phương thức sản xuất

+  Điều kiện địa lý và dân số

-  Khái niệm ý thức xã hội: là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội (bao gồm những tư tưởng, quan điểm, tình cảm...) nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.

· Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội vì có ba nguyên nhân:

+  ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội nên nó có sau tồn tại xã hội. Mà tồn tại xã hội luôn vận động do tác động của hđ thực tiễn.

+  Do sức mạnh của phong tục, tập quán, truyền thống cũng như do tính bảo thủ của 1 số hình thái ý thức xã hội. Mặt khác, tồn tại xã hội có tính biến đổi nhanh, ý thức xã hội không thể phản ánh kịp.

+  ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những giai cấp nhất định, vì vậy những tư tưởng lạc hậu thường được các lực lượng xã hội lưu giữ và truyền bá nhằm chống lại các lực lượng xã hội tiến bộ.

Ví dụ: 1 số vùng quê ở Việt Nam tuy điều kiện kinh tế phát triển nhưng vẫn còn những phong tục, tập quán lạc hậu (ma chay, cưới xin...)